

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Liên Minh)*

| STT      | Chỉ tiêu                                                                                               | Đơn vị          | Kết quả                                                               | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Mục tiêu đến năm 2030</b>                                                                           |                 |                                                                       |                                    |
| 1        | Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.                                            | Thứ bậc         | Đạt mức trung bình chung của tỉnh                                     | Phòng Văn hóa – Xã hội             |
| 2        | Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.                                       | Thứ bậc         | Đạt mức trung bình chung của tỉnh                                     | Phòng Văn hóa – Xã hội             |
| 3        | Chuyển đổi số                                                                                          | Thứ bậc         | Nằm trong top 40 của tỉnh về chuyển đổi số                            | Phòng Văn hóa – Xã hội             |
| 4        | Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp                                    | %               | ≥ 95%                                                                 | Trung Tâm PVHCC                    |
| 5        | Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt                                                                    | %               | ≥ 90%                                                                 | Trung Tâm PVHCC, phòng Kinh Tế     |
| 6        | Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp                            | %               | ≥ 60%                                                                 | Phòng Văn hóa – Xã hội             |
| 7        | Chi ngân sách hằng năm cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số | % tổng chi NSNN | Không thấp hơn mức tỉnh giao hằng năm và tăng theo yêu cầu phát triển | Phòng Kinh Tế                      |
| 8        | Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo                             | Người/vạn dân   | 5                                                                     | Phòng Văn hóa – Xã hội             |
| 9        | Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế                                                   | %/năm           | Tăng trung bình 1%                                                    | Phòng Văn hóa – Xã hội             |

|           |                                                                                                   |          |                                               |                                                        |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 10        | Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế được khai thác thương mại                    | %        | 3                                             | Phòng Văn hóa – Xã hội                                 |
| 11        | Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng               |          | Ở mức trên trung bình của tỉnh                | Phòng Văn hóa – Xã hội                                 |
| 12        | Phủ sóng 5G cho người dân                                                                         |          | Đến các khu vực trung tâm, đông dân cư của xã | Phòng Văn hóa – Xã hội                                 |
| 13        | Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ được giao về xây dựng thôn thông minh                              | Nhiệm vụ | 100%                                          | Phòng Văn hóa – Xã hội                                 |
| 14        | Phối hợp, kết nối đồng bộ cơ sở dữ liệu của tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành |          | Cơ bản hoàn thành                             | Phòng Văn hóa – Xã hội                                 |
| 15        | Phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số             | Thứ bậc  | Đạt mức trung bình chung của tỉnh             | Phòng Văn hóa – Xã hội                                 |
| 16        | An toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu                               | Thứ bậc  | Thuộc nhóm trung bình của tỉnh                | Phòng Văn hóa – Xã hội,<br>Công An xã, Trung Tâm PVHCC |
| <b>II</b> | <b>Mục tiêu đến năm 2045</b>                                                                      |          |                                               |                                                        |
| 1         | Đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số                                                                   | Thứ bậc  | Thuộc nhóm 40 xã dẫn đầu của tỉnh             | Phòng Văn hóa – Xã hội                                 |
| 2         | Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.                                  | Thứ bậc  | Đạt mức trung bình chung của tỉnh             | Phòng Văn hóa – Xã hội                                 |
| 3         | Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp                               | %        | ≥ 98%                                         | Trung Tâm PVHCC                                        |
| 4         | Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt                                                               | %        | 100%                                          | Trung Tâm PVHCC, phòng Kinh Tế                         |

|    |                                                                                                        |                 |                                                                       |                                                           |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 5  | Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp                            | %               | $\geq 80\%$                                                           | Phòng Văn hóa – Xã hội                                    |
| 6  | Chi ngân sách hằng năm cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số | % tổng chi NSNN | Không thấp hơn mức tỉnh giao hằng năm và tăng theo yêu cầu phát triển | Phòng Kinh Tế                                             |
| 7  | Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo                             | Người/vạn dân   | 7                                                                     | Phòng Văn hóa – Xã hội                                    |
| 8  | Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng                    |                 | Ở mức cao của tỉnh                                                    | Phòng Văn hóa – Xã hội                                    |
| 9  | Phủ sóng 5G cho người dân                                                                              |                 | 100%                                                                  | Phòng Văn hóa – Xã hội                                    |
| 10 | Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ được giao về xây dựng thôn thông minh                                   | Nhiệm vụ        | 100%                                                                  | Phòng Văn hóa – Xã hội                                    |
| 11 | Phối hợp, kết nối đồng bộ cơ sở dữ liệu của tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành      |                 | hoàn thành                                                            | Phòng Văn hóa – Xã hội                                    |
| 12 | Phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số                  | Thứ bậc         | Trong топ đầu của tỉnh                                                | Phòng Văn hóa – Xã hội                                    |
| 13 | An toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu                                    | Thứ bậc         | Trong топ đầu của tỉnh                                                | Phòng Văn hóa – Xã hội,<br>Công An xã, Trung Tâm<br>PVHCC |